TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Kim Huệ.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà*: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGD ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn N, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Hồng H, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: khu phố D, phường Đ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: khu phố C, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Thanh T trình bày: Ông và bà Trần Hồng H quen biết và tổ chức lễ cưới vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu ông bà chung sống H phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ với nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống H phúc nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Ông và bà Trần Hồng H chung sống có 04 con chung tên là Trương C(giới tính nam), sinh ngày 23/8/1995; Trương Tấn B (giới tính nam), sinh ngày 02/11/1998; Trương Thị Tú G (giới tính nữ), sinh ngày 18/11/2000 và Trương Thị N(giới tính nữ), sinh ngày 20/11/2005, hiện nay cháu Thành, cháu B và cháu G đã trưởng thành, cháu N đang ở cùng với bà H. Ông thống nhất giao cháu Nữ cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng chi phí nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng và yêu cầu bà H đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

Ông, bà chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Trần Hồng H trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Trương Thanh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên bà cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng do ông T thường có quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến vợ con. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ và không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm với ông T nên ông yêu cầu ly hôn bà hoàn toàn đồng ý. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị N(giới tính nữ), sinh ngày 20/11/2005 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, tùy khả năng của ông T. Bà đảm bảo quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H là vợ chồng, giao con chung tên Trương Thị N(giới tính nữ), sinh ngày 20/11/2005 cho bà H nuôi dưỡng và ghi nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự. Tài sản và nợ chung ông bà trình bày không có và không đề nghị giải quyết. Buộc ông Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trương Thanh T xin ly hôn, giao con chung đối với bà Trần Hồng H. Nơi bị đơn bà H

đang cư trú tại khu phố C, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn.Thời gian đầu ông bà chung sống H phúc, đến năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó có thái độ lạnh nhạt, không quan tâm đến gia đình. Ông T trình bày quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không thể hàn gắn lại được nên mới xin ly hôn, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa ông bà cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu ly hôn và bà H hoàn toàn thống nhất ly hôn với ông T.

Ông T và bà H chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về thụ lý đơn yêu cầu ly hôn: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này…"* Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H chung sống có 04 đứa con chung tên là Trương C(giới tính nam), sinh ngày 23/8/1995; Trương Tấn B (giới tính nam), sinh ngày 02/11/1998; Trương Thị Tú G (giới tính nữ), sinh ngày 18/11/2000 và Trương Thị N(giới tính nữ), sinh ngày 20/11/2005, hiện nay cháu Thành, cháu B và cháu G đã trưởng thành, còn cháu Nữ đang ở cùng với bà H. Bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nữ đến tuổi trưởng thành và ông T hoàn toàn thống nhất giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của ông bà về việc giao con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Nữ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và nộp tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự. Do ông T và bà H thống nhất được mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà. Bà Trần Hồng H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trương Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị N(giới tính nữ), sinh ngày 20/11/2005 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Trương Thanh T và bà Trần Hồng H về số tiền mỗi tháng ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bắt đầu thi hành tháng đầu tiên vào ngày 28/7/2019.

Bà Trần Hồng H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trương Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009013 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Hà Tiên;
- Chi cục THADS Tp. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thanh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Hà Tiên;
- Chi cục THADS Tp. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thanh Phương